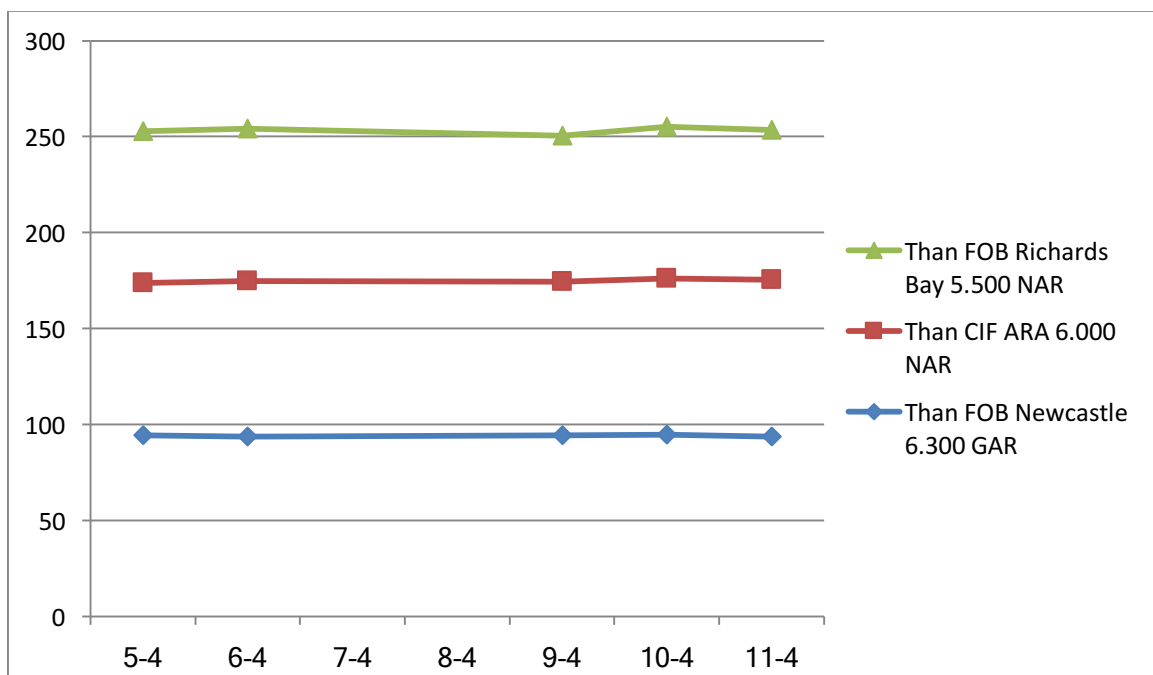


CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	93,75	-1,10	93,60	-0,50
CIF ARA 6.000 NAR	81,60	+0,35	83,00	+1,00
FOB Richards Bay 5.500 NAR	78,45	-0,45	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	76,00	-0,25
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	61,50	-0,50

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	48,20	-0,50	353,06	-4,02
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	69,30	-0,50	507,60	-4,19
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	77,25	-0,25	565,84	-2,42

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 11/04/2018)

DIỂM TIN

Australia nâng dự báo giá than cho năm tài chính 2018-2019

Trong ngày thứ 2, Bộ Kinh tế Australia đã nâng mức dự báo giá than cho năm tài chính 2018-2019 của Nhật Bản (từ tháng 4 đến tháng 3) lên 95 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle cho than 6.000 kcal/kg NAR, tăng mạnh so với dự báo trước đó là 77 USD/tấn. Nguyên nhân chính do nguồn cung than Indonesia bị ảnh hưởng bởi lượng mưa lớn theo mùa và nhu cầu cao đã khiến khách hàng châu Á quan tâm đến việc thu mua than nhiệt Newcastle. Tuy nhiên, giá than trong năm tài chính 2018-2019 của Nhật Bản chắc chắn sẽ giảm dần trong vài năm tới do nhu cầu giảm so với nguồn cung. Theo Báo cáo Tài nguyên và Năng lượng theo quý của Australia : "Trong trung và dài hạn, các quốc gia xuất khẩu than chính trên thế giới hạn chế đầu tư các dự án lớn sẽ có xu hướng duy trì mức giá trên mốc 60 USD/tấn". Trong năm tài chính 2017-2018 của Australia (tháng 7 đến tháng 6), nước này đã xuất khẩu 202,1 triệu tấn, tăng nhẹ so với mức 201,7 triệu tấn của năm trước đó và thấp hơn so với mức dự báo 203,6 triệu tấn trong năm tài chính 2018-2019. Trong giai đoạn này, Trung Quốc dự báo sẽ nhập khẩu 186 triệu tấn than, trước khi giảm 7 triệu tấn/năm từ năm 2019 đến năm 2022, và giảm xuống chỉ còn 152 triệu tấn trong năm 2023. Nhật Bản dự kiến sẽ giảm nhập khẩu 1 - 2 triệu tấn than/năm từ năm 2018 đến năm 2023, từ mức 143 triệu tấn năm 2018 xuống còn khoảng 136 triệu tấn năm 2023. Ấn Độ cũng được cho là cũng có mức sụt giảm tương tự Nhật Bản, giảm từ 147 triệu tấn năm 2018 xuống còn 140 triệu tấn trong năm 2023.

Hệ thống đường sắt Ấn Độ vận chuyển 555,23 triệu tấn than trong năm tài chính 2017-18

Theo số liệu của Cục Thống kê và Kinh tế, công ty đường sắt Ấn Độ đã vận chuyển 555,23 triệu tấn than trong năm tài chính 2017-2018 (tháng 4 đến tháng 3), tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tổng khối lượng than vận chuyển bằng đường sắt trong năm vừa qua, 462,29 triệu tấn là than trong nước, tăng gần 1% so với cùng kỳ năm trước đó, trong khi đó 92,94 triệu tấn là than nhập khẩu, tăng 24%. Khối lượng than nội địa vận chuyển đến các nhà máy nhiệt điện đã giảm 32% xuống còn 225,96 triệu tấn so với năm trước, trong khi lượng than nhập khẩu vào các nhà máy nhiệt điện là 17,94 triệu tấn, tăng khoảng 177%. Dữ liệu của Cục Thống kê cho thấy than nhập khẩu cho các nhà máy thép trong nước đã tăng 36% lên 40,04 triệu tấn trong giai đoạn này, trong khi đó khoảng 16,23 triệu tấn than trong nước được cung cấp cho các nhà máy thép bằng đường sắt, giảm 13% so với năm trước. Theo dữ liệu cho thấy, lượng than trong nước cung cấp cho các hộ tiêu thụ khác đã tăng lên 219,81 triệu tấn trong năm tài chính vừa qua, tăng 111%, trong khi lượng than nhập khẩu cho các hộ tiêu thụ khác giảm 11% xuống còn 34,96 triệu tấn. Than chiếm khoảng 50% trong tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt tại Ấn Độ.

Thị trường Trung Quốc ảnh hưởng tiêu cực đến giá than nhiệt Indonesia

Thị trường than nhiệt nội địa Trung Quốc và thị trường than nhiệt đường biển đang tiếp tục tạo ra ảnh hưởng xấu đến giá than Indonesia. Nhu cầu mua than tiếp tục giảm do giá than nhiệt Trung Quốc giảm. Điều này đã khiến một số khách hàng Trung Quốc quay trở lại thị trường giao lẻ than trong nước. Một khách hàng cho hay: "Nhu cầu nhập khẩu than của Trung Quốc có thể vẫn còn thấp trong vài tuần nữa. Theo 1 công ty thương mại Singapore, 1 chuyến hàng vận chuyển vào tháng 4 cho than nhiệt Indonesia 3.800 kcal/kg NAR có giá 40,85 USD/tấn FOB. Ngoài ra 1 chuyến hàng dự kiến giao tháng 5 cho loại than tương tự được giao dịch ở mức 40,30 USD/tấn FOB. Tất cả các công ty than đều có chung dự đoán giá trên thị trường trong tháng 5 sẽ giảm vì nhu cầu khá thấp. Giá chào bán cho than Indonesia 4.200 kcal/kg GAR giao tháng 5 ở quanh mức 39 USD/tấn FOB. Một công ty Indonesia cho biết có 1 gói thầu mua 1 chuyến hàng vận chuyển than Indonesia 4.200 kcal/kg GAR từ Ấn Độ với giá 40 USD/tấn FOB trong tháng 4. Giá thầu của Trung Quốc đối với loại than này dao động quanh mức 39 USD/tấn FOB Kalimantan. Ấn Độ chỉ có thể giữ than dự trữ đủ trong 10-14 ngày, trong khi Trung Quốc có thể giữ than dự trữ lên đến 20-30 ngày.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	7,15	-0,10
	Queensland	Nhật Bản	8,25	-0,10
	New South Wales	Hàn Quốc	8,80	-0,10
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,80	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,60	+0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,00	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,15	+0,10
	Úc	Trung Quốc	11,20	-0,20
Úc	Ấn Độ	12,60	-0,40	

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 11/04/2018)